

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST.

Ngày 21-5-2021.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Mỹ Liên;

Bà Nguyễn Thị Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim V (G), sinh năm 1967 – Có mặt;

Địa chỉ: Ấp B H, xã P B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Tổ T – Luật sư công tác tại Văn phòng Luật sư Trần Minh T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Mỹ L, sinh năm 1954 – Xin vắng mặt.

Anh Phạm Huỳnh H (M), sinh năm 1978 – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp B H, xã P B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Kim V trình bày:

Do có quen biết nên bà nhiều lần cho anh H (tên thường gọi là M) vay tiền để làm ăn, sau khi vay anh H đều trả đầy đủ nên đến năm 2010 anh H và mẹ ruột là bà L cùng với bà ngoại của anh H là bà Võ Thị L1 nhiều lần mượn vàng và tiền của bà V, cụ thể như sau:

Ngày 25-4-2010, bà L1 mượn 03 cây vàng 24K 98%;

Ngày 24-6-2010, bà L1 mượn 04 cây vàng 24K 98%. Cả 02 lần bà L1 nói mượn để cho anh H làm ăn và có bà L chứng kiến bà V giao vàng cho bà L1 tại nhà bà L1, sau khi nhận vàng thì bà L1 giao vàng cho bà L trước mặt bà V.

Ngày 20-7-2010, anh H mượn 02 cây vàng 24K 98%;

Ngày 20-10-2010, bà L mượn 09 chỉ vàng 24K 98%, bà L nói mượn để mua đất cho anh H;

Ngày 23-10-2010, anh H mượn 13 chỉ vàng 24K 98%;

Ngày 19-11-2010, anh H mượn 25.000.000 đồng.

Các lần sau này đều giao tiền, vàng tại nhà bà V, những lần anh H đến mượn tiền, vàng đều có bà L đi cùng.

Khi cho mượn tiền, vàng bà V không có làm giấy tờ gì. Không có thỏa thuận thời hạn trả. Hai bên có thỏa thuận miệng là cứ 1.000.000 đồng tiền nợ gốc hoặc 01 chỉ vàng 24K 98% thì tiền lãi là 50.000 đồng/tháng, nhưng anh H, bà L và bà L1 không trả cho bà V tiền lãi tháng nào cả. Khi số nợ lên đến 11 cây 02 chỉ vàng 24K và 25.000.000 đồng thì anh H và bà L kêu bà V dọn đến ở trên đất của anh H, sau này anh H sẽ bán đất cho bà V để trừ nợ nên bà V dọn về sống trên đất của anh H từ năm 2010 đến nay. Từ năm 2010, anh H cũng bỏ đi đâu bà V không biết, bà L1 cũng đã chết. Đến tháng 6-2020, bà V đến gặp bà L yêu cầu bà L ký giấy nợ cho bà V thì bà L đồng ý ký tên và bà L ký tên của anh H vào giấy nợ giao cho bà V giữ, giấy nợ do con của bà V viết. Theo giấy nợ, bà L xác nhận còn nợ bà V 11 cây 02 chỉ vàng 24K và 25.000.000 đồng và bà L đồng ý trả tiền, vàng cho bà V nhưng không trả. Đến tháng 7-2020, bà V mới biết anh H đã bán phần đất hứa bán cho bà V cho người khác mà không trả tiền, vàng cho bà.

Nay bà V yêu cầu anh H và bà L có trách nhiệm trả cho bà V số tiền 25.000.000 đồng và 11 cây 02 chỉ vàng 24K 98%, bà không yêu cầu tính lãi suất. Bà không yêu cầu chồng bà L là ông Lê Quốc C và vợ của anh H là chị Lê Ngọc P cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Huỳnh H trình bày:

Anh thừa nhận có vay tiền, vàng 24K 98% của bà V như bà V trình bày. Toàn bộ số nợ 11 cây 02 chỉ vàng 24K 98% và 25.000.000 đồng là của anh vay của bà V, anh gọi điện thoại hỏi mượn bà V trước rồi mẹ anh và bà ngoại anh đến gặp bà V lấy dùm anh, thực tế mẹ và bà ngoại anh không có mượn tiền, vàng của bà V. Khi mượn tiền và vàng anh đều trả tiền lãi với mức lãi suất như bà V trình bày cho bà V đầy đủ, đến cuối năm 2010 anh không có khả năng trả nữa nên mới ngưng đến nay. Trước đây, anh có hứa bán đất cho bà V để trừ nợ, nhưng thời điểm đó

giấy đất anh đang thế chấp cho người khác để vay tiền. Do anh không có khả năng trả tiền nợ nên phải bán đất cho chủ nợ để trừ nợ, anh không có ý lừa gạt bà V.

Nay anh đồng ý trả cho bà V 11 cây 02 chỉ vàng 24K 98% và 25.000.000 đồng, mẹ anh không có vay tiền, vàng của bà V nên không có trách nhiệm trả.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Mỹ L trình bày:

Bà thừa nhận có 01 lần bà gặp bà V nhận vàng như bà V trình bày nhưng là bà nhận dùm anh H do anh H bận công việc, ngoài ra không còn lần nào khác. Việc bà V cho mẹ ruột của bà là bà L1 mượn vàng bà không biết, bà cũng không có mặt lúc bà V giao vàng cho bà L1 như bà V trình bày. Giấy nợ ngày 20-6-2020 là do bà ký nhưng do bà V mang giấy nợ đến kêu bà ký để bà V đòi nợ anh H nên bà đồng ý ký, bà không có mượn tiền, vàng của bà V.

Nay bà không đồng ý trả tiền, vàng theo yêu cầu của bà V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V. Buộc bà L và anh H có nghĩa vụ trả cho bà V 11 cây 02 chỉ vàng 24K 98% và 25.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim V. Buộc anh H có nghĩa vụ trả cho bà V 10 cây 03 chỉ vàng 24K 98% và 25.000.000 đồng. Buộc bà L có nghĩa vụ trả cho bà V 09 chỉ vàng 24K 98%.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Mỹ L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà V khởi kiện anh H và bà L yêu cầu trả số tiền 25.000.000 đồng và 11 cây 02 chỉ vàng 24K 98% mượn từ năm 2010, hai bên không thỏa thuận thời hạn trả, có thỏa thuận lãi suất cứ 1.000.000 đồng tiền nợ gốc hoặc 01 chỉ vàng 24K 98% thì tiền lãi là 50.000 đồng/tháng nhưng anh H và bà L không trả tiền lãi suất. Đến ngày 20-6-2020, bà V viết giấy nợ cho bà L ký tên xác nhận nợ, bà L đồng ý ký tên vào giấy nợ và đồng ý trả nợ nhưng đến nay vẫn không trả nên có căn cứ xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy

định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và việc bà V khởi kiện đòi nợ là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Bà V yêu cầu bà L và anh H trả cho bà số tiền 25.000.000 đồng và 11 cây 02 chỉ vàng 24K 98% theo giấy nợ ngày 20-6-2020. Anh H xác nhận số tiền, vàng bà V cho vay như lời trình bày của bà V là đúng và toàn bộ số tiền 25.000.000 đồng và 11 cây 02 chỉ vàng 24K 98% là do anh vay của bà V nhưng nhờ bà ngoại anh là bà Võ Thị L1 và mẹ anh là bà L đến gặp bà V nhận dứt. Nay anh đồng ý trả toàn bộ tiền, vàng theo yêu cầu của bà V, bà L không có vay tiền, vàng của bà V nên không có trách nhiệm trả.

Bà L cho rằng bà không có vay tiền, vàng của bà V, bà chỉ gặp bà V lấy vàng dứt anh H một lần do anh H hỏi mượn bà V nhưng bận công việc nên nhờ bà đến gặp bà V lấy vàng; bà L thừa nhận có ký tên vào giấy nợ đề ngày 20-6-2020 nhưng do bà V yêu cầu bà ký tên để bà V đòi nợ anh H. Xét lời trình bày của anh H và bà L là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ bà L thừa nhận có đến gặp bà V nhận vàng, bà là người biết đọc, biết viết, trong giấy nợ ngày 20-6-2020 có ghi rõ nội dung *“Tổng cộng số vàng và tiền tôi và mẹ tôi và con tôi thiếu là 11 cây và 2 chỉ vàng 24K và 25 triệu đồng, tôi đồng ý trả số tiền này”* và bà đồng ý ký tên. Chính vì vậy, việc bà V yêu cầu bà L và anh H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 25.000.000 đồng và 11 cây 02 chỉ vàng 24K 98% là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Anh H trình bày có trả lãi cho bà V nhưng bà V không thừa nhận, anh H không đưa ra được chứng cứ chứng minh, anh H không yêu cầu tính lại số tiền lãi đã đóng cho bà V và bà V cũng không yêu cầu anh H và bà L trả tiền lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Bà V không yêu cầu chồng bà L là ông Lê Quốc C và vợ của anh H là chị Lê Ngọc P cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Như phân tích trên có căn cứ chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát và chấp nhận toàn bộ đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn về quan điểm giải quyết vụ án.

[7] Án phí: Bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà L và anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà V được chấp nhận nhưng bà L được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật. Giá vàng 24K 98% để tính án phí tại thời điểm xét xử là 5.170.000 đồng/chỉ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, khoản 2 Điều 469, Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim V đối với bà Huỳnh Mỹ L và anh Phạm Huỳnh H.

Buộc bà Huỳnh Mỹ L và anh Phạm Huỳnh H có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Kim V số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Buộc bà Huỳnh Mỹ L và anh Phạm Huỳnh H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Kim V 11 cây vàng 02 chỉ vàng 24K 98%.

Ghi nhận bà V không yêu cầu tính lãi suất.

2. Án phí:

Bà Võ Thị Kim V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Kim V 13.400.000 (Mười ba triệu bốn trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014561 ngày 01-10-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Bà Huỳnh Mỹ L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.080.800 (Mười bốn triệu không trăm tám mươi nghìn tám trăm) đồng nhưng được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Anh Phạm Huỳnh H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.080.800 (Mười bốn triệu không trăm tám mươi nghìn tám trăm) đồng.

3. Báo cho bà V, anh H biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Ngọc